

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:17/2022/ DS-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v : “ Tranh chấp chia
thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- * *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tổng Thị Hà
- * *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Văn Thoa ; Bà Lê Thị Loan
- * *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Trung - thư ký TAND thị xã Bỉm Sơn
- * Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số:21/2021/TLST-DS ngày 10/5/2021 về việc " Tranh chấp chia thừa kế tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:18/2022/QĐXXST-DS ngày 29/8/2022 và quyết định hoãn phiên họp số: 47/2022/QĐST-DS ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà: Phạm Thị T - Sinh năm: 1974.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B

(Vắng mặt)

2. Bà: Phạm Thị M1- Sinh năm: 1961

Trú tại: Khu phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T

(Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T:

Ông: Phạm Bá T- Sinh năm: 1951

Trú tại: Khu phố 4, phường P, thị xã B, tỉnh T

(Có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông: Phạm Văn H- Sinh năm: 1971

Địa chỉ: Số 195 đường Đ, Khu Phố 5, phường Ph, thị xã B, tỉnh T (Vắng mặt có lý do).

2. Bà: Phạm Thị M2- Sinh năm: 1956

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

Nơi cư trú: Ấp Bến Liều, xã P, thị xã B, tỉnh B(Vắng mặt có lý do)

3. Ông: Phạm Văn T- Sinh năm: 1968

Địa chỉ: Số 193 đường Đ, Khu Phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt không có lý do).

4. Ông: Phạm Văn K- Sinh năm: 1964

Địa chỉ: Khu Phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt không có lý do).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị: Hoàng Thị L - Sinh năm: 1972

Trú tại: Số 193 đường Đ, Khu Phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt không có lý do).

2/ Chị: Vũ Thị L - Sinh năm: 1975

Trú tại: Số 195 đường Đ, Khu Phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt có lý do)

3/ UBND phường Phú Sơn, thị xã B, tỉnh T

Địa chỉ: Đường L, khu phố 5, phường P, thị xã B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân L- chức vụ chủ tịch
(Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 và bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị T và bà Phạm Thị M trình bày:

Bố bà T và bà M1 là Phạm Văn N(mất năm 2007) và mẹ là Trịnh Thị X(mất năm 2010) sinh được 6 người con Phạm Thị T, Phạm Thị M, Phạm Thị M, Phạm Văn H, Phạm Văn T và Phạm Văn K. Tài sản ông bà để lại là 2.964m²(trong đó đất canh tác 2.614m², đất thổ canh 150m², đất thổ cư 200m²) đất tại xã Quang Trung(nay là phường Phú Sơn) thị xã Bim Sơn tỉnh Thanh Hóa. Năm 2004 ông T có xây một ngôi nhà cấp 4 khoảng 30m², năm 2006 ông H có xây một ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 40m² trên đất của gia đình, khi đó cụ N, cụ X đang còn sống. Năm 2007 cụ N chết không để lại di chúc. Ngày 01/9/2010 các thành viên trong gia đình gồm cụ X và 6 người con(T, M1, M2, H, T, K) họp gia đình và lập biên bản về việc phân chia quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, có sự chứng kiến của khu phố trưởng và đại diện xã Quang Trung lúc đó xác nhận mọi người đều thống nhất: Chia cho ông T và ông H mỗi người 100m² đất thổ cư không đề cập gì đến đất thổ canh chia cho ai.

Năm 2010 bà X chết. Ngày 22/3/2012 những người thừa kế hàng thứ nhất gồm các anh chị em trong nhà lập biên bản thỏa thuận chia di sản thừa kế và cũng đều thống nhất như biên bản họp gia đình ngày 01/9/2010 chia cho ông T và ông H được quyền sử dụng đất ở mỗi người là 100m^2 do Phòng Công chứng Hà Trung, huyện Hà Trung chứng thực. Nhưng khi ông T, ông H đến cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất thì phòng công chứng Hà Trung do công chứng viên Vũ Thế C lại viết thêm vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế với nội dung ‘ và đất vườn liền kề như hiện trạng’ vào văn bản cấp cho ông T và ông H, còn các văn bản khác cấp cho các thành viên không có ghi thêm. Vì thế ông T và ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tài $438,3\text{m}^2$ (Đất ở 100m^2 , đất trồng cây LNK $338,3\text{m}^2$) còn ông H được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $243,7\text{m}^2$ (đất ở 100m^2 đất trồng cây LNK $143,7\text{m}^2$). Vì vậy, văn bản công chứng Hà Trung vi phạm pháp luật vì tự công chứng viên viết thêm vào và không được sự đồng ý của tất cả các thành viên trong gia đình. Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn đã thụ lý và xét xử vụ án yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và tuyên xử văn bản công chứng vô hiệu. Vì vậy, UBND thị xã Bỉm Sơn căn cứ vào bản án số:02/2019/DS-ST ngày 18/4/2019 ra quyết định thu hồi, hủy bỏ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H và ông T. Từ khi UBND thị xã Bỉm Sơn hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh chị em trong gia đình đã tới nhà ông T để họp gia đình nhưng ông T bỏ đi nên không tổ chức họp được. Nay các anh em trong gia đình không thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do bố mẹ để lại được nên bà T, bà M1 đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế mà bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật tại thửa đất cấp cho gia đình ông Phạm Văn N số C258345 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:1390- QSDĐ do UBND thị xã Bỉm Sơn cấp ngày 28/9/1994, diện tích nguyên thửa là 2964m^2 . Có tứ cận phía Nam giáp nhà ông Châu bà Đào, phía Bắc giáp sông, phía Đông giáp Đền Bát Hải Long Vương, phía Tây giáp đường Lương Đình Cửa và 1.410m^2 diện tích đất trồng lúa. Cả hai thửa đất trên đều có địa chỉ khu phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T.

Đối với phần diện tích đất mà ông K được hưởng, ông K có quan điểm cho các chị em gồm T, H, M1 và M2. Bà T, M1 đồng ý nhận phần ông K cho hai bà, nhưng phần ông K cho, hai bà cho ông T toàn quyền quản lý và sử dụng.

- *Tại bản tự khai ngày 15/7/2021 và bản tự khai bổ sung ngày 18/4/2022 ông Phạm Văn H trình bày:* Bố ông là Phạm Văn N(mất năm 2007) mẹ ông là Trịnh Thị X(mất năm 2010) sinh được 7 người con gồm: Ông, bà M1, ông T, ông K, bà M2, bà T và một chị đầu là Phạm Thị B(đã chết năm 1972) khi đó bà B chưa có gia đình. Khi bố mẹ chết không để lại di chúc. Tài sản mà bố mẹ để lại là quyền sử dụng đất

mà hiện nay ông và ông T đang quản lý và sử dụng. Trước đây năm 1994 cụ N được cấp quyền sử dụng đất là 2964m². Tuy nhiên, sau đó cụ N, cụ X đã bán cho ông Nguyễn Văn Châu và ông Văn, Vũ. Sau khi cấp đất bán cho các gia đình trên thì còn lại hiện trạng như hiện nay, ông và ông T đang sử dụng. Ông bà có để lại diện tích đất ruộng khoảng gần 1.200m².

Nay quan điểm của ông như sau: Chia cho ông phần đất ở có các công trình mà vợ chồng ông đã xây dựng. Để đảm bảo cho các công trình ông đề nghị được nhận thêm diện tích đất cho đảm bảo công trình mà vợ chồng ông đang sử dụng và ông có trách nhiệm trả tiền cho phần nhận thêm chia cho các đồng thừa kế.

Về nguồn gốc đất: Trước đây gia đình ở trên đường 1A sau đó nhà nước thu hồi để làm đường nên cấp cho bố mẹ thừa đất số:C 258345 số vào sổ cấp giấy chứng nhận là 2964m². Nếu bà M2 cho ông quyền sử dụng đất phần của bà M2 ông đồng ý nhận. Về phần đất ruộng ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Văn K có quan điểm cho chị em gồm: H, T, M1, M2, T phần di sản thừa kế mà ông K được hưởng của cụ N, cụ X. Ông đồng ý nhận phần của ông K cho. Tuy nhiên, phần di sản thừa kế của ông K cho ông ông cho ông T có quyền định đoạt và có quyền sở hữu, ông không có ý kiến gì.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2021 ông Phạm Văn T trình bày:* Bố ông là Phạm Văn N mất năm 2007, mẹ ông là Trịnh Thị X mất năm 2011. Khi mất bố mẹ không để lại di chúc. Ông bà có để lại diện tích đất ở khoảng gần 700m² và hơn 1000 m² đất trồng lúa đang tranh chấp trong vụ án. Khi còn sống ông bà chỉ nói bằng miệng là sau này mất toàn bộ diện tích đất ở và đất trồng lúa cho ông quản lý và sử dụng không bán hay chuyển nhượng cho ai. Hiện nay đất ruộng ông đang quản lý, còn đất ở hiện nay ông đang quản lý một phần và ông H quản lý một phần. Diện tích hiện trạng ông không rõ bao nhiêu đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả thẩm định để giải quyết.

Về nguồn gốc đất: Di sản thừa kế mà hiện nay ông và ông H đang sử dụng là đất đền bù sau khi giải phóng mặt bằng tại đường quốc lộ 1 A. Phần đất do ông H quản lý là do ông H xây dựng, phần đất do ông quản lý là do ông xây dựng.

Bố mẹ ông có 7 người con gồm ông, ông H, K, M1, T, M2 và B. Bà B chết năm 1972 không có chồng con và bố mẹ ông không có con riêng.

Tài sản của bố mẹ ông cho ông nhưng không lập biên bản. Ông chỉ đồng ý cho bà T 5 mét ngang bám đường Đặng Quang tính từ tường rào đền Bát Hải Long Vương kéo về hướng nam kéo dài hết chiều sâu của đất. Nếu bà T không đồng ý thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với mái tôn hiện nay ông đang lợp lên phần đất ông H đang quản lý sử dụng ông có quan điểm nếu sau này ông H có nhu cầu sử dụng ông tự nguyện tháo dỡ phần mái tôn đang lợp trên phần đất của ông H và không yêu cầu bồi thường. Ông không yêu cầu Tòa án định giá phần mái tôn lợp trên phần đất ông H đang quản lý sử dụng.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2021 ông Phạm Văn K trình bày:* Bố ông là Phạm Văn N mất năm 2007, mẹ ông là Trịnh Thị X mất năm 2010. Bố mẹ ông có 7 người con gồm ông, ông T, H, M1, T, M2 và bà B(chết năm 1972) không có gia đình. Cụ N, cụ X chết không để lại di chúc và có để lại hai thửa đất hiện nay do ông T và ông H đang quản lý sử dụng. Đối với đất trồng lúa ông T đang quản lý và canh tác.

Nguồn gốc đất ở là do đền bù giải phóng mặt bằng làm đường quốc lộ 1A. Ông không nhận thừa kế của bố mẹ để lại. Đối với phần đất ông được hưởng thừa kế ông sẽ chia đều cho các em ông T, H, M1, T, M2. Đối với đất trồng lúa phần của ông được hưởng ông cho lại em ông là Phạm Văn T sử dụng.

Ông T đồng ý cho bà Thảo 5 mét chiều ngang bám đường Đặng Quang kéo về hướng nam và kéo dài hết chiều dọc của đất mốc chiều bám mặt đường tính từ cổng ông cũng đồng ý với quan điểm của ông T nếu phần đất ruộng các em đồng ý giao phần đất trồng lúa cho ông T.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2021 và bản tự khai bổ sung ngày 25/4/2022 bà Phạm Thị M2 trình bày:* Cụ Phạm Văn N và cụ Trịnh Thị X là bố mẹ ruột của bà. Cụ N mất năm 2007, cụ X mất năm 2010. Cụ N có 6 người con chung gồm: Bà, bà M1, ông K, ông T, ông H, bà T. Ngoài ra ông bà không có con nuôi, con riêng nào khác. Về nguồn gốc thửa đất số:1390 do UBND thị xã Bim Sơn cấp ngày 28/9/1994 có diện tích 2964m² và 01 thửa đất trồng lúa diện tích 1410m² do cha mẹ bà là cụ N, cụ X khai phá năm 1983.

Nay bà T, bà M1 yêu cầu chia di sản thừa kế phần diện tích đất mà ông T, ông H đang ở tại số nhà 193- 195 đường Đ, khu phố 5, phường P, thị xã B. Bà đồng ý chia phần di sản thừa kế mà bố mẹ bà để lại là diện tích đất mà ông T, ông H đang sử dụng. Diện tích khoảng gần 700m²(Trong đó có 200m² đất thổ cư, còn lại là đất trồng cây lâu năm). Phần di sản thừa kế mà bà được hưởng theo đơn yêu cầu của bà T, bà M1, bà cho cho ông Phạm Văn H toàn quyền quản lý và sử dụng. Bà không có tranh chấp gì.

Đối với phần thừa kế mà ông K được hưởng ông K cho bà phần của ông K. Bà chuyển phần của ông K sang cho ông T được quyền quản lý và sử dụng.

Đối với diện tích đất ruộng tại khu phố 5, phường P, thị xã B chị em trong nhà tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tuổi cao ở xa nên bà không có thời gian đi lại được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L trình bày:* Bà và ông H kết hôn năm 1997. Sau khi kết hôn vợ chồng bà được cụ N, cụ X cho một phần đất trên diện tích đất ở như hiện trạng vợ chồng bà đang sinh sống. Do ông bà không lập thành biên bản và sau khi mất không để lại di chúc dẫn đến việc bà T và bà M1 phải kiện đến Tòa án. Trên thực tế bố mẹ chồng bà chia cho vợ chồng bà một phần, vợ chồng ông Tài một phần, bà T một phần nhưng ông T không giao phần đất cho bà T.

Trên diện tích đất ở bố mẹ chồng cho vợ chồng bà nên gia đình bà đã xây dựng một nhà cấp 4 và một nhà bếp. Nay bà T, bà M1 khởi kiện chia thừa kế, bà đề nghị Tòa án giải quyết giao toàn bộ diện tích đất hiện nay vợ chồng bà đang sử dụng. Vợ chồng bà có trách nhiệm trả lại bằng tiền cho các đồng thừa kế đối với phần đất dư ra.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường P trình bày:*

UBND phường P có ý kiến về nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất của thửa đất mà Tòa án nhân dân đang thụ lý giải quyết như sau:

Thửa đất Tòa án đang thụ lý giải quyết là đất ông N, bà X tự sử dụng từ năm 1986-1987; Đến năm 1994 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 350m² (200m² thổ cư và 150m² thổ canh, thuộc quyền của ông N, bà X) tại thửa 1269 tờ bản đồ số 5 BĐ 299 xã Quang Trung cũ); Thuộc thửa số 43, tờ BĐ số 1 BĐ ĐC xã Quang Trung xác lập năm 1997, được chỉnh lý năm 2002 diện tích 682m² có tên chủ sử dụng là Phạm Văn N. Hiện nay diện tích trên đang được gia đình hai người con trai ông N, bà X là gia đình ông Phạm Văn H và gia đình ông Phạm Văn T sử dụng thuộc 3 thửa: 01, 22, 23 tờ BĐ số 37 BĐ ĐC phường Phú Sơn xác lập năm 2011 với tổng diện tích 703,5m².

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/7/2022 và ngày 25/7/2022 và ngày 26/8/2022 ông Phạm Văn T, Phạm Văn K, bà Hoàng Thị L vắng mặt không có lý do, theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/6/2022, ngày 07/7/2022 và ngày 11/8/2022 Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/8/2022 bà Phạm Thị M1 không đồng ý với kết quả đo vẽ hiện trạng của công ty TNHH đo đạc bản đồ số 1 Thanh Hóa nên bà có đơn đề nghị Tòa án mời Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ lại hiện trạng quyền sử dụng đất mà ông T,

ông H đang sử dụng. Và đề nghị Tòa án lấy kết quả đo vẽ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai để chia di sản thừa kế mà bố mẹ bà để lại.

Kết quả đo vẽ như sau: Ngày 25/8/2022 chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cung cấp: Nguồn gốc đất của cụ Phạm Văn N, cụ Trịnh Thị X để lại, hiện không có tranh chấp với các hộ liên kề.

- Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng diện tích ông T, ông H đang quản lý sử dụng là: $680,8\text{m}^2$; Trong đó có: 200m^2 đất ở có các cạnh tiếp giáp như sau: Cạnh phía đông giáp đền Bát Hải Long Vương; Cạnh Phía tây giáp đường Đặng Quang; Cạnh phía nam giáp nhà ông Châu, Đào; ông Vũ, Tuyết và bà Mạnh; Cạnh phía bắc giáp công đền Bát Hải Long Vương.

+ Diện tích ông H đang quản lý sử dụng: $255,4\text{ m}^2$ không xác định loại đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Cạnh phía đông giáp đền Bát Hải Long Vương; Cạnh Phía tây giáp đường Đặng Quang; Cạnh phía bắc giáp nhà ông T, bà L; Cạnh phía nam giáp ông Châu, Đào; ông Vũ, Tuyết và bà Mạnh.

+ Diện tích ông T đang quản lý sử dụng: $425,4\text{ m}^2$ không xác định loại đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Cạnh phía đông giáp đền Bát Hải Long Vương; Cạnh Phía tây giáp đường Đặng Quang; Cạnh phía nam giáp nhà ông Hồi, bà Lan; Cạnh phía bắc giáp đường vào đền Bát Hải Long Vương.

- Theo biên bản định giá tài sản, giá trị tài sản tranh chấp có giá trị như sau:

Hội đồng định giá căn cứ áp giá theo quyết định số:44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt giá đất trên địa bàn tỉnh.

- Về diện tích đất: Tổng diện tích $680,8\text{m}^2$ (Trong đó có 200m^2 đất ở, $480,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm), diện tích đất đang tranh chấp chia di sản thừa kế là $680,8\text{m}^2$ tại địa chỉ: Số 193- 195 đường Đ, khu phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường Đền Bát Hải Long Vương; phía Nam giáp nhà ông Châu, Đào; ông Vũ, Tuyết và bà M1, phía Đông giáp Đền Bát Hải Long Vương; phía tây giáp đường Đặng Quang; Hội đồng định giá xác định giá trị quyền sử dụng đất như sau:

+ Đất ở có giá tại thời điểm định giá: $1.500.000\text{đ}/\text{m}^2$

Trị giá: $1.500.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 200\text{m}^2 = 300.000.000\text{đ}$ (Ba trăm triệu đồng).

+ Đất trồng cây lâu năm tại thời điểm định giá là: $30.000\text{đ}/\text{m}^2$

Trị giá: $30.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 480,8\text{m}^2 = 14.420.000\text{đ}$

+ Đất trồng lúa là $52.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.175.03\text{m}^2 = 61.101.500\text{đ}$.

- Về công trình trên đất: Căn cứ áp giá các công trình trên đất theo quyết định số:25/2019/QĐ- UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

+ Hộ đồng định giá thống nhất định giá đối với các công trình kiến trúc trên đất: Tổng giá trị công trình trên đất 192.287.700đ(Một trăm chín mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng).

Các đương sự đã được thông qua và không có ý kiến gì về kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản và không có khiếu nại gì.

Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị T và bà Phạm Thị M1 có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị chia diện tích thừa kế 2964m² và diện tích đất trồng lúa 1.410m² địa chỉ tại khu phố 5, phường Phú Sơn, thị xã Bỉm Sơn. Bà Thảo, bà Mạnh đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ N, cụ X để lại là phần diện tích đất hiện nay ông T, ông H đang sử dụng diện tích khoảng gần 700m²(Trong đó có 200m² đất thổ cư, còn lại là đất trồng cây lâu năm) tại số nhà 193- 195 đường Đặng Quang khu phố 5, phường P, thị xã B.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T là ông Phạm Bá T và bà Phạm Thị M1 có mặt đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế mà cụ N, cụ T để lại diện tích đất 680,8m²(Trong đó có 200m² đất ở, 480,8m² đất trồng cây lâu năm), tại địa chỉ: Số 193-195 đường Đ, khu phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T; Bị đơn ông Phạm Văn T, Phạm Văn K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, bà Phạm Thị M2, ông Phạm Văn H, bà Vũ Thị L, đại diện UBND phường P, thị xã B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn T, Phạm Văn H, bà Phạm Thị M2, bà Hoàng Thị L, Vũ Thị L, UBND phường P là đúng quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 BLTTDS như thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập các đương sự.

- Về xác định tư cách đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lập hồ sơ, xác định đầy đủ tư cách của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại các điều 71, 72 và 73 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Đây là vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ. Vì vậy, Tòa án đã thông báo để Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Đề nghị áp dụng: - Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 609, 611, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 100, Điều 105, 106 luật đất đai năm 2013;

- Điều 6, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo.

- Đề nghị HĐXX:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T và Phạm Thị M1 về việc: Đề nghị chia di sản thừa kế mà bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật tại thửa đất cấp cho gia đình ông Phạm Văn N số C258345 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:1390- QSDĐ do UBND thị xã Bim Sơn cấp ngày 28/9/1994, diện tích nguyên thừa là 2964m² và đề nghị chia di sản thừa kế 1.410m² diện tích đất trồng lúa .

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, Phạm Thị M1 về việc chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn N, Trịnh Thị X để lại có diện tích 680,8m² tại địa chỉ: Số 193-195 đường Đ, khu phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T.

- Xác nhận di sản thừa kế của cụ Phạm Văn N, cụ Trịnh Thị X để lại là: Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Số 193-195 đường Đ, khu phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T có diện tích: 680,8m²(Trong đó có: 200m² đất thổ cư và 480,8m² đất trồng cây lâu năm).

- Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ N, cụ X có 6 người con gồm: Bà T, bà M1, ông H, ông T, ông K, bà M2.

- Sự thỏa thuận của Ông T, ông H, bà M1, bà T, bà M2 trong biên bản thỏa thuận ngày 25/8/2022 là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Ghi nhận bà M1, bà M2, ông K không nhận kỷ phần thừa kế của cụ N, cụ X. Chia di sản thừa kế của cụ X và cụ N để lại cho 3 phần là: Ông T, ông H và bà T.

+ Chia cho ông Phạm Văn H toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích 240m²(Trong đó có 80m² đất thổ cư và 160m² đất trồng cây lâu năm) trị giá 124.800.000đ. Có tứ cận: Phía Tây giáp đường Đ; phía Đông giáp Đền Bát Hải Long Vương, phía Nam giáp nhà Châu, Vũ, Tuyết, phía Tây giáp nhà Tài, Lý.

+ Chia cho ông Phạm Văn T toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích 240m² đất (Trong đó có 80m² đất thổ cư và 160m² đất trồng cây lâu năm) trị giá 124.800.000đ Có tứ cận phía Tây giáp đường Đ, phía Đông giáp đền Bát Hải Long Vương, phía

Nam giáp nhà Hôi, Lan; phía Bắc giáp đất trống (di sản thừa kế của ông Ngặt, bà Xước để lại).

+ Chia cho bà Phạm Thị T toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 200,8m² đất (Trong đó có 40m² đất thổ cư và 160,8m² đất trồng cây lâu năm) trị giá 64.824.000đ(Sáu tư triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng) Có tứ cận: Phía Tây giáp đường Đặng Quang; Phía Đông giáp Đền Bát Hải Long Vương; phía Nam giáp nhà ông Tài, Lý; Phía Bắc giáp cổng đền Bát Hải Long Vương.

** Về phần công trình xây dựng:*

+ Phần công trình xây dựng trên diện tích đất là tài sản riêng của vợ chồng ông T, L và H, L nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Phần mái tôn nhà tạm ông T lợp trên phần đất ông Hôi đang sử dụng có diện tích 6,7m². Hai bên thỏa thuận khi nào ông Hôi yêu cầu ông T tháo dỡ ông T tự nguyện sẽ tháo dỡ và không yêu cầu ông H phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

+ Bà T được sử dụng phần tài sản gắn liền với phần đất được giao là đoạn tường rào gạch bi bao quanh diện tích đất bà T được chia. Buộc bà T phải trả tiền chênh lệch về bức tường (do ông T, bà L xây dựng).

Ông Phạm Văn T, Phạm Văn H và bà Phạm Thị T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết của bản án.

- Án phí DSST: Buộc ông H, ông T và bà T phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Phạm Thị T và Phạm Thị M1 khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế là diện tích đất 680,8m² (Trong đó có 200m² đất ở, 480,8m² đất trồng cây lâu năm) tại địa chỉ: Số 193- 195 đường Đ, khu phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T. Đây là quan hệ " Tranh chấp chia thừa kế tài sản". Đối tượng tranh chấp là bất động sản thì chỉ Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết. Vì vậy, theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản mất. Cụ Phạm Văn N mất ngày 22/7/2007, cụ Trinh Thị X mất ngày 26/11/2010 nguyên đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 là trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nguồn gốc: Theo biên bản xác minh tại UBND phường P cung cấp thông tin về nguồn gốc đất đang tranh chấp tại số nhà 193-195 đường Đ, khu phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T có nguồn gốc như sau.

Thửa đất số: 01, 22, 23, tờ bản đồ số 37, bản đồ địa chính phường P, xác lập năm 2011; địa chỉ: Số 193- 195 đường Đ, khu phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T, có nguồn gốc là của cụ X và cụ N để lại. Theo chính sách của nhà nước tại thời điểm cải dịch quốc lộ 1A cụ N, cụ X được cấp đất tại khu phố 5, phường P, thị xã B(xã Quang Trung cũ). Sau khi ông K là con của hai cụ lập gia đình thì cụ N, cụ X chuyển đến diện tích đất đang tranh chấp ở, đến ngày 28/9/1994 thì cụ N, cụ X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 350m²(Trong đó 200m² đất ở và 150m² đất thổ canh). Theo bản đồ địa chính xã Quang Trung xác lập năm 1997 chỉnh lý năm 2002 thì hiện trạng đất đang tranh chấp thuộc thửa 43 tờ bản đồ số 1, diện tích 682m² Theo bản đồ địa chính phường Ph xác lập năm 2011 thì diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số:01, 22, 23 tờ bản đồ số 37 tổng diện tích 703,5m².

Theo quy định về đất đai qua các thời kỳ năm 1994 cụ N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi là cấp cho gia đình cụ N. Nhưng tại thửa 1269 tờ bản đồ số 5 ghi cấp cho cụ N, cụ X.

[4] Về hàng thừa kế của cụ N và cụ X: Tại phiên tòa các đương sự có mặt gồm người đại diện theo ủy quyền ông T, bà M đều công nhận bố mẹ của cụ N, cụ X chết từ năm 1940. Ngày 22/7/2007 cụ Phạm Văn N chết, ngày 26/11/2010 cụ Trinh Thị X chết không để lại di chúc. Nên diện tích đất của cụ X, cụ N để lại được chia thừa kế theo pháp luật gồm 6 phần: Bà T, M1, M2, ông H, K, T. Đây là những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của cụ X, cụ N và có quyền hưởng di sản thừa kế theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 651/BLDS. Nay, bà M1, bà T làm đơn chia yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ X, cụ N để lại là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà T, bà M1 đối với diện tích đất 680,8m² (Trong đó có 200m² đất ở, 480,8m² đất trồng cây lâu năm) tại địa chỉ: Số 193- 195 đường Đặng Q, khu phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T mà cụ N, cụ X để lại HĐXX thấy:

Quá trình giải quyết vụ án bà M1, bà M2, ông K từ chối nhận kỷ phần thừa kế của cụ X và cụ N. Bà M2 tự nguyện chuyển phần di sản thừa kế mà mình được hưởng sang cho ông H, bà M1 chuyển phần di sản của mình được hưởng sang cho bà T, ông K chuyển nhượng phần di sản thừa kế của mình được hưởng sang cho các đồng thừa kế gồm ông T, H, bà T, M1, M2(Theo biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2021). Bà T, M1, M2, ông H nhận phần thừa kế của ông K và chuyển phần di sản thừa kế của ông K cho ông T, ông T đồng ý nhận phần di sản thừa kế của ông K. Xét sự tự nguyện của ông K, bà M1, bà M2 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Các đương sự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ N, cụ X để lại(theo biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 25/8/2022) như sau:

- Chia cho ông Phạm Văn T toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích 240m² đất (Trong đó có 80m² đất ở và 160m² đất trồng cây lâu năm). Có tứ cận phía Tây giáp đường Đặng Quang, phía Đông giáp đền Bát Hải Long Vương, phía Nam giáp nhà H, L; phía Bắc giáp đất trống(di sản thừa kế của ông N, bà X để lại).

- Chia cho ông Phạm Văn H toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích 240m²(Trong đó có 80m² đất ở và 160m² đất trồng cây lâu năm). Có tứ cận: Phía Tây giáp đường Đ; phía Đông giáp Đền Bát Hải Long Vương, phía Nam giáp nhà Châu, Đào; ông Vũ, Tuyết và bà Mạnh, phía bắc giáp nhà Tài, Lý.

- Chia cho bà Phạm Thị T toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 200,8m² đất (Trong đó có 40m² đất ở và 160,8m² đất trồng cây lâu năm). Có tứ cận: Phía Tây giáp đường Đặng Quang; Phía Đông giáp Đền Bát Hải Long Vương; phía Nam giáp nhà ông Tài, Lý; Phía Bắc giáp cổng đền Bát Hải Long Vương.

Trên cơ sở sự thỏa thuận của các đương sự, HĐXX xác định chia di sản thừa kế của cụ X và cụ N để lại cho 3 phần là: Ông T, ông H và bà T như trên là có căn cứ chấp nhận.

* Về phần công trình xây dựng trên đất:

- Ông H, bà L xây dựng các công trình trên đất tổng giá trị: 114.709.500đ

- Ông T, bà L xây dựng các công trình trên đất tổng giá trị: 77.578.200đ.

Về phần công trình xây dựng trên diện tích đất là tài sản riêng của vợ chồng ông T, bà L và ông H, bà L nên HĐXX không giải quyết.

Phần mái tôn nhà tạm ông T lợp trên phần đất ông H đang sử dụng có diện tích 6,7m². Hai bên thỏa thuận khi nào ông H yêu cầu ông T tháo dỡ ông T tự nguyện sẽ tháo dỡ và không yêu cầu ông H phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

+ Bà T được sử dụng 200,8m² đất và được sử dụng tài sản gắn liền với phần đất được giao là đoạn tường rào gạch bi bao quanh diện tích: 19m² x 129.000đ/m²=

2.451.000đ do ông T, bà L xây dựng. Buộc bà T phải trả tiền chênh lệch về bức tường trị giá là 2.451.000đ(Hai triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn đồng) cho ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị L.

[7] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L(vợ ông H) trình bày vợ chồng bà đã xây dựng một nhà cấp 4 và một nhà bếp. Nay bà T, bà M khởi kiện chia thừa kế, bà đề nghị Tòa án giải quyết giao toàn bộ diện tích đất hiện nay vợ chồng bà đang sử dụng. Vợ chồng bà có trách nhiệm trả lại bằng tiền cho các đồng thừa kế đối với phần đất dư ra.

HĐXX thấy, yêu cầu của bà L là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên phần diện tích đất dư ra các đương sự bà T, M1, M2, ông H, ông T đã thỏa thuận chia di sản thừa kế nên không yêu cầu ông H phải trả bằng tiền phần diện tích đất dư ra nên HĐXX không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Hoàng Thị L(vợ ông T) đã nhiều lần triệu tập đến Tòa án làm việc nhưng bà L không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị L.

[8] Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị T tự nguyện nộp tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] Về án phí DSST: Bà T, ông H và ông T phải thực hiện nghĩa vụ nộp án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật, vì bà M2, ông K, bà M1 đã chuyển giao quyền(phần di sản thừa kế) cho bà T, ông T, ông H.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 144, 177, 179, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 609, 611, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 100, Điều 105, 106 luật đất đai năm 2013;

- Điều 6, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo.

* **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T và Phạm Thị M1 về việc: Đề nghị chia di sản thừa kế mà bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật tại thửa đất cấp cho gia đình ông Phạm Văn N số C258345 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:1390 - QSDĐ do UBND thị xã Bim Sơn cấp ngày

28/9/1994, diện tích nguyên thửa là 2964m² và chia di sản thừa kế 1.410m² diện tích đất trồng lúa .

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, Phạm Thị M1 về việc đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn N, Trịnh Thị X để lại có diện tích đất là 680,8m² (Trong đó có: 200m² đất ở và 480,8m² đất trồng cây lâu năm) tại địa chỉ: Số 193-195 đường Đ, khu phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T.

- Xác nhận di sản thừa kế của cụ Phạm Văn N, cụ Trịnh Thị X để lại là: Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Số 193-195 đường Đ, khu phố 5, phường P, thị xã B, tỉnh T có diện tích: 680,8m²(Trong đó có: 200m² đất ở và 480,8m² đất trồng cây lâu năm).

- Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ N, cụ X có 6 người con gồm: Bà T, bà M1, ông H, ông T, ông K, bà M2.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bà M2, bà M1, ông K về việc chuyển giao quyền được hưởng di sản thừa kế của cụ X và cụ N để lại cho 3 phần là: Ông T, ông H và bà T.

- Chia di sản thừa kế của cụ N, cụ X để lại như sau:

+ Chia cho ông Phạm Văn H toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích 240m² (Trong đó có 80m² đất ở và 160m² đất trồng cây lâu năm) trị giá 124.800.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng). Có tứ cận: Phía Tây giáp đường Đặng Quang có chiều rộng mặt đường có kích thước 9,89m; phía Đông giáp Đền Bát Hải Long Vương chiều rộng các cạnh kích thước (8,05m; 0,06m; 5,45m), phía Nam giáp nhà Châu, Đào; Vũ, Tuyết; bà Mạnh bao gồm các cạnh: (8,74m; 5,96m; 6,25m; 2,36m); phía Bắc giáp nhà Tài, Lý có chiều sâu: 24.2m.

+ Chia cho ông Phạm Văn T toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích 240m² đất (Trong đó có 80m² đất ở và 160m² đất trồng cây lâu năm) trị giá 124.800.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm nghìn đồng). Có tứ cận phía Tây giáp đường Đặng Quang chiều rộng mặt đường kích thước: (5,65m; 3,04m; 1,5m); phía Đông giáp đền Bát Hải Long Vương có chiều rộng các cạnh kích thước là: (1,93m; 5,99m; 3,3m); phía Nam giáp nhà Hôi, Lan chiều sâu 24,2m; phía Bắc giáp đất trống(di sản thừa kế của ông Ngặt, bà Xước để lại) chiều sâu 20,52m.

+ Chia cho bà Phạm Thị T toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 200,8m² đất (Trong đó có 40m² đất ở và 160,8m² đất trồng cây lâu năm) trị giá 64.824.000đ(Sáu tư triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng) Có tứ cận: Phía Tây giáp đường Đặng Quang có chiều rộng mặt đường kích thước: (7,8m; 3,77m, 1.03m); Phía Đông giáp Đền Bát Hải Long Vương có chiều rộng kích thước là: (1,4m; 3,52m, 7,62m); phía Nam giáp nhà ông Tài, Lý có chiều sâu 20,52m; Phía Bắc giáp cổng đền Bát Hải Long Vương có chiều sâu 13,02m.

Như vậy, thứ tự quyền sử dụng đất tính từ công đền Bát Hải Long Vương là đất bà Thảo, ông Tài, ông Hồi.

(Việc phân chia quyền sử dụng đất có sơ đồ chi tiết kèm theo).

+ Bà T được sử dụng đoạn tường rào gạch bi bao quanh diện tích 19m² do ông T, bà L xây dựng. Bà T có trách nhiệm trả tiền chênh lệch về bức tường là 2.451.000đ (Hai triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn đồng) cho ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị L.

Ông Phạm Văn T, Phạm Văn H và bà Phạm Thị T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết của bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Án phí DSST:

+ Buộc ông Phạm Văn H phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật là: 124.800.000đ x 5% = 6.240.000đ (Sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng)

+ Buộc ông Phạm Văn T phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật là: 124.800.000đ x 5% = 6.240.000đ (Sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng)

+ Buộc Bà Phạm Thị T phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật là: (64.824.000đ + 2.451.000đ x 5%) = 3.363.700đ (Ba triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm đồng) nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm Sơn theo biên lai thu số: AA/2019/0007254 ngày 07/5/2021. Như vậy, bà T được nhận lại số tiền: 386.300đ (Ba trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn bà Phạm Thị M1, đại diện theo ủy quyền ông Phạm Bá T vắng mặt bị đơn ông Phạm Văn T, Phạm Văn K, Phạm Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L, bà Vũ Thị L, đại diện UBND phường P.

Nguyên đơn bà Phạm Thị T, Phạm Thị M1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2022), bị đơn ông Phạm Văn K, Phạm Văn T, Phạm Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L, Hoàng Thị L, đại diện UBND phường P được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Bỉm sơn;
- *Đương sự;*
- THA Dân sự TX Bỉm sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÓNG THỊ HÀ

